



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO  
DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/09/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DAE.

**Vốn điều lệ:** 19.256.580.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2023:** 19.256.580.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 29,41%.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 39 Trịnh Đình Thảo, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3797975 - Fax: (84) 0236.3797971
- Website: [www.sachgiaoduc.com](http://www.sachgiaoduc.com)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của công ty;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng;
- Quảng cáo thương mại;
- In ấn và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Dịch vụ photocopy;
- Sản xuất các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Bán lẻ các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2023 là 25 người, trong đó, cán bộ quản lý là 10 người.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                          |          |                              |
|--------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ông Thừa Phú       | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/10/2023     |
|                          | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 28/04/2023     |
| • Ông Tô Thanh Bình      | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |
|                          |          | Từ nhiệm ngày 30/09/2023     |
|                          | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |
| • Ông Lý Xuân Hoàn       | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
| • Ông Phạm Văn Hải       | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022     |
| • Ông Lê Diêm Hùng       | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 28/04/2023     |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
|                          |          | Miễn nhiệm ngày 28/04/2023   |
| • Ông Nguyễn Duy Nhâm    | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 28/04/2020     |
|                          |          | Miễn nhiệm ngày 28/04/2023   |

### **Ban Kiểm soát**

- |                         |            |                              |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đặng Công Đức     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |
| • Bà Đặng Thị Trang     | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
| • Bà Phan Thị Hàn Phong | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |
|                         |            | Miễn nhiệm ngày 28/04/2023   |
| • Ông Trần Đàm Nhiệm    | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 28/04/2023     |

### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                          |                |                              |
|--------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Lý Xuân Hoàn       | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |
| • Ông Phạm Văn Hải       | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 01/12/2020     |
| • Ông Hồ Văn Lĩnh        | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 16/01/2022     |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Lý Xuân Hoàn**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2024



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 159/2024/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 28/02/2024 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

  
Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1  
Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2024

  
Dương Thị Vân Thanh – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3671-2021-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>36.105.445.867</b>	<b>34.874.787.750</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.592.078.119</b>	<b>5.471.841.616</b>
1. Tiền	111		4.592.078.119	5.471.841.616
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.066.218.720</b>	<b>3.971.408.400</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	5.694.064.105	5.694.064.105
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(1.627.845.385)	(3.722.655.705)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.c	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.679.897.379</b>	<b>7.359.755.055</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	6.866.732.547	7.791.574.934
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		81.153.640	4.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	508.801.505	221.159.991
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(776.790.313)	(656.979.870)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>17.557.858.328</b>	<b>16.748.653.500</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.046.213.412	17.415.374.063
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(488.355.084)	(666.720.563)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.209.393.321</b>	<b>1.323.129.179</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	1.054.696.224	985.798.934
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	154.697.097	337.330.245
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.111.135.288</b>	<b>12.303.578.283</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>28.050.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		28.050.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.271.947.718</b>	<b>8.504.956.971</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.943.802.034	1.677.211.287
- Nguyên giá	222		7.598.425.564	2.671.293.081
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.654.623.530)	(994.081.794)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.328.145.684	6.827.745.684
- Nguyên giá	228		8.328.145.684	6.827.745.684
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	<b>2.998.663.742</b>
- Nguyên giá	231		-	2.998.663.742
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6.b</b>	<b>593.390.084</b>	<b>593.390.084</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		593.390.084	593.390.084
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>217.747.486</b>	<b>206.567.486</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	217.747.486	206.567.486
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>49.216.581.155</b>	<b>47.178.366.033</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.546.163.399</b>	<b>8.058.836.950</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.537.163.399</b>	<b>8.049.836.950</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.485.326.565	5.549.501.637
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	127.754.899	225.361.150
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	40.251.914	57.592.429
4. Phải trả người lao động	314		1.162.807.054	1.043.052.713
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17.a	3.241.068.886	573.458.220
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		479.954.081	600.870.801
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.000.000</b>	<b>9.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	17.b	9.000.000	9.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.670.417.756</b>	<b>39.119.529.083</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>41.670.417.756</b>	<b>39.119.529.083</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	19.256.580.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.256.580.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	2.859.726.199	2.859.726.199
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	18	3.113.155.058	2.953.724.516
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	16.440.956.499	18.319.278.368
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	18	14.049.498.368	16.168.219.680
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	18	2.391.458.131	2.151.058.688
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>49.216.581.155</b>	<b>47.178.366.033</b>



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	58.256.071.367	66.397.946.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	1.565.696.735	2.799.465.126
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		56.690.374.632	63.598.481.116
4. Giá vốn hàng bán	11	22	40.981.307.448	44.592.205.406
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>15.709.067.184</b>	<b>19.006.275.710</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	315.355.102	1.513.164.467
7. Chi phí tài chính	22	24	(1.950.855.448)	4.020.455.508
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	-	1.568.238
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	5.753.050.074	5.447.891.570
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	8.199.803.893	7.797.603.575
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>4.022.423.767</b>	<b>3.253.489.524</b>
11. Thu nhập khác	31		-	350.703.704
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	<b>350.703.704</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>4.022.423.767</b>	<b>3.604.193.228</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	833.812.926	736.114.979
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>3.188.610.841</b>	<b>2.868.078.249</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.325	1.193
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	1.325	1.193



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		56.115.440.437	71.642.456.966
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(47.523.858.389)	(62.426.404.536)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.203.958.620)	(7.070.481.377)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(1.568.238)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(683.101.750)	(974.113.741)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.302.743.640	3.228.547.669
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.900.638.493)	(2.955.750.737)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>106.626.825</b>	<b>1.442.686.006</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12	(1.229.536.364)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	350.703.704
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	243.146.042	141.322.085
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(986.390.322)</b>	<b>(1.507.974.211)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.798.416.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(1.798.416.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(879.763.497)</b>	<b>(1.863.704.205)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	5.471.841.616	7.335.545.821
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>4.592.078.119</b>	<b>5.471.841.616</b>



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/09/2023.

Vốn điều lệ: 19.256.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2023 của Công ty là 19.256.580.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 29,41% vốn điều lệ.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của công ty;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng;
- Quảng cáo thương mại;
- In ấn và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Dịch vụ photocopy;
- Sản xuất các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Bán lẻ các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục.

#### 1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **a. Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ

##### **b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

##### **c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### **Dự phòng**

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được xác định như sau:

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại ngày kết thúc niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tài sản cố định là phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5 - 2

### **4.6 Tài sản cố định vô hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

### **4.10 Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.13 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong niên độ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với bán lịch block; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.

Một số mặt hàng có thuế suất 10% được giảm 20% thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/07/2023 đến 31/12/2023 theo quy định tại Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.18 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	2.082.175	98.572.996
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.589.995.944	5.373.268.620
<b>Cộng</b>	<b>4.592.078.119</b>	<b>5.471.841.616</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 6. Đầu tư tài chính

#### a. Chứng khoán kinh doanh

STT	31/12/2023				01/01/2023			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết	564.753	5.694.064.105	4.066.218.720	1.627.845.385	522.920	5.694.064.105	1.971.408.400	3.722.655.705
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	564.753	5.694.064.105	4.066.218.720	1.627.845.385	522.920	5.694.064.105	1.971.408.400	3.722.655.705
<b>Cộng</b>	<b>564.753</b>	<b>5.694.064.105</b>	<b>4.066.218.720</b>	<b>1.627.845.385</b>	<b>522.920</b>	<b>5.694.064.105</b>	<b>1.971.408.400</b>	<b>3.722.655.705</b>

- (i) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán hiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	31/12/2023			01/01/2023			
			Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục (ECI) (i)	Đang hoạt động	0,01%	94	1.086.084	-	2.303.000	1.086.084	-	1.880.000
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam (ii)	Đang hoạt động	7,50%	33.750	242.304.000	-	-	242.304.000	-	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục tại Đà Nẵng (ii)	Đang hoạt động	8,76%	35.000	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
<b>Cộng</b>				<u><u>593.390.084</u></u>	<u><u>-</u></u>		<u><u>593.390.084</u></u>	<u><u>-</u></u>	

- (i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu ECI được xác định theo giá đóng cửa của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- (ii) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Báo cáo tài chính năm 2023 của các Công ty nhận đầu tư này đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, không phát sinh dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.299.974.715	1.200.541.750
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	601.327.290	736.989.510
Nhà sách Yên Công	784.915.781	1.055.220.178
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Thanh Hoa	380.627.690	725.918.990
Các đối tượng khác	3.799.887.071	4.072.904.506
<b>Cộng</b>	<b><u>6.866.732.547</u></b>	<b><u>7.791.574.934</u></b>

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Mối quan hệ		31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư	-	18.713.200
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư	-	390.019.319
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung thành viên HĐQT	1.299.974.715	1.200.541.750
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	684.000	-
<b>Cộng</b>		<b><u>1.300.658.715</u></b>	<b><u>1.609.274.269</u></b>

### 8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	90.690.000	-	213.500.000	-
Phải thu CBCNV thuế TNCN	279.491.505	-	-	-
Phải thu khác	138.620.000	-	7.659.991	-
<b>Cộng</b>	<b><u>508.801.505</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>221.159.991</u></b>	<b><u>-</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	776.790.313	656.979.870
- Từ 3 năm trở lên	509.196.553	377.689.002
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	267.593.760	164.607.828
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	114.683.040
<b>Cộng</b>	<b>776.790.313</b>	<b>656.979.870</b>

### 10. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.565.629.280	-	5.743.364.677	-
Chi phí SX, KD dở dang	703.485.237	-	1.041.079.082	-
Thành phẩm	10.777.098.895	488.355.084	10.630.930.304	666.720.563
<b>Cộng</b>	<b>18.046.213.412</b>	<b>488.355.084</b>	<b>17.415.374.063</b>	<b>666.720.563</b>

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 31/12/2023.

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.272.728	4.736.365
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	933.198.301	930.437.569
Chi phí khác	107.225.195	50.625.000
<b>Cộng</b>	<b>1.054.696.224</b>	<b>985.798.934</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí tổ chức bán thảo	217.747.486	206.567.486
<b>Cộng</b>	<b>217.747.486</b>	<b>206.567.486</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	1.435.358.791	38.850.000	1.039.493.381	157.590.909	2.671.293.081
Mua sắm trong năm	-	-	1.229.536.364	-	1.229.536.364
Chuyển từ BĐS đầu tư (*)	3.697.596.119	-	-	-	3.697.596.119
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.132.954.910</b>	<b>38.850.000</b>	<b>2.269.029.745</b>	<b>157.590.909</b>	<b>7.598.425.564</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	156.225.625	38.850.000	641.415.260	157.590.909	994.081.794
Khấu hao trong năm	168.284.820	-	292.924.539	-	461.209.359
Chuyển từ BĐS đầu tư (*)	2.199.332.377	-	-	-	2.199.332.377
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.523.842.822</b>	<b>38.850.000</b>	<b>934.339.799</b>	<b>157.590.909</b>	<b>3.654.623.530</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.279.133.166	-	398.078.121	-	1.677.211.287
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.609.112.088</b>	<b>-</b>	<b>1.334.689.946</b>	<b>-</b>	<b>3.943.802.034</b>

(\*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-DAEBCO ngày 28/04/2023, Công ty có chủ trương xây dựng văn phòng làm việc và văn phòng cho thuê tại cơ sở 78 Pasteur.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 565.994.290 đồng.

### 13. Tài sản cố định vô hình

Các tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài, cụ thể:

- Tại 78 Pasteur, Thành phố Đà Nẵng, nguyên giá: 1.500.400.000 đồng.
- Tại 39 Trịnh Đình Thảo, Thành phố Đà Nẵng, nguyên giá: 6.827.745.684 đồng.

Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Lộc Thịnh Phát	371.911.968	1.014.115.894
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	295.480.000	116.080.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	68.021.928	3.670.227.600
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	-	92.144.566
Các đối tượng khác	1.749.912.669	656.933.577
<b>Cộng</b>	<b>2.485.326.565</b>	<b>5.549.501.637</b>

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan là:

	Mối quan hệ	30/06/2023	01/01/2023
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư	-	92.144.566
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>92.144.566</b>

### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	90.212.940	-
Trường Trung học cơ sở Ninh Hải	-	10.015.000
Nhà sách Quảng Văn Hải	8.085.000	8.085.000
Các đối tượng khác	29.456.959	207.261.150
<b>Cộng</b>	<b>127.754.899</b>	<b>225.361.150</b>

### 16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	57.592.429	56.779.259	94.305.516	-	20.066.172
Thuế thu nhập doanh nghiệp	292.520.165	-	833.812.926	683.101.750	141.808.989	-
Thuế thu nhập cá nhân (Vãng lai)	1.694.912	-	76.377.756	72.760.540	-	1.922.304
Thuế thu nhập cá nhân	25.931.024	-	555.746.065	511.551.603	-	18.263.438
Các loại thuế khác	17.184.144	-	4.296.036	-	12.888.108	-
Phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>337.330.245</b>	<b>57.592.429</b>	<b>1.530.012.042</b>	<b>1.364.719.409</b>	<b>154.697.097</b>	<b>40.251.914</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 17. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	11.560.905	55.671.478
Chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán	30.000.000	38.889.620
Chi phí tổ chức bán thảo	3.118.910.000	340.440.000
Cổ tức phải trả	9.255	9.255
Phải trả khác	80.588.726	138.447.867
<b>Cộng</b>	<b>3.241.068.886</b>	<b>573.458.220</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền ký cược của các Nhà sách	9.000.000	9.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.000.000</b>	<b>9.000.000</b>

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2022	14.986.800.000	2.859.726.199	2.810.320.604	17.966.635.680
Tăng trong năm	-	-	143.403.912	2.868.078.249
Giảm trong năm	-	-	-	2.515.435.561
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>14.986.800.000</b>	<b>2.859.726.199</b>	<b>2.953.724.516</b>	<b>18.319.278.368</b>
Số dư tại 01/01/2023	14.986.800.000	2.859.726.199	2.953.724.516	18.319.278.368
Tăng trong năm	4.269.780.000	-	159.430.542	3.188.610.841
Giảm trong năm	-	-	-	5.066.932.710
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>19.256.580.000</b>	<b>2.859.726.199</b>	<b>3.113.155.058</b>	<b>16.440.956.499</b>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	5.663.770.000	4.407.610.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.075.000.000	2.393.390.000
Các cổ đông khác	10.517.810.000	8.185.800.000
<b>Cộng</b>	<b>19.256.580.000</b>	<b>14.986.800.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.925.658	1.498.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.925.658	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.925.658	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.925.658	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.925.658	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	18.319.278.368	17.966.635.680
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	3.188.610.841	2.868.078.249
Phân phối lợi nhuận	5.066.932.710	2.515.435.561
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.269.780.000	1.798.416.000
- Trả cổ tức	4.269.780.000	1.798.416.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	797.152.710	717.019.561
- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ (5%)	159.430.542	143.403.912
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành (7%)	223.202.759	200.765.477
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (13%)	414.519.409	372.850.172
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>16.440.956.499</b>	<b>18.319.278.368</b>

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-DAEBCO ngày 28/04/2023.

**e. Cổ tức**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường năm 2023 số 01/NQ-DAEBCO ngày 28/04/2023 đã thông qua phương án trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12% vốn điều lệ và phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước với tỷ lệ là 16,5% . Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức vào ngày 09/08/2023.

**19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

	31/12/2023	01/01/2023
Nợ khó đòi đã xử lý	107.291.300	107.291.300
+ Công ty In - Phát hành sách và Thiết bị Quảng Ngãi	107.291.300	107.291.300

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu sách tham khảo, sách hỗ trợ	56.762.559.007	63.569.895.146
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	1.436.274.460	2.735.659.864
Doanh thu khác	57.237.900	92.391.232
<b>Cộng</b>	<b>58.256.071.367</b>	<b>66.397.946.242</b>

### 21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
Chiết khấu thương mại	881.689.985	1.204.381.416
Hàng bán bị trả lại	684.006.750	1.595.083.710
<b>Cộng</b>	<b>1.565.696.735</b>	<b>2.799.465.126</b>

### 22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn sách tham khảo, sách hỗ trợ	38.329.998.647	40.746.126.136
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	1.287.957.080	2.435.708.609
Giá vốn hoạt động khác	47.325.064	61.354.987
Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	1.494.392.136	1.628.669.727
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(178.365.479)	(279.654.053)
<b>Cộng</b>	<b>40.981.307.448</b>	<b>44.592.205.406</b>

### 23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	167.646.042	58.921.685
Chiết khấu thanh toán được hưởng	72.209.060	185.882.880
Cổ tức, lợi nhuận được chia	75.500.000	82.400.400
Lãi từ đầu tư chứng khoán kinh doanh	0	1.185.959.502
<b>Cộng</b>	<b>315.355.102</b>	<b>1.513.164.467</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 24. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay		1.568.238
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	142.057.262	209.716.775
Phí bán chứng khoán kinh doanh, phí lưu ký chứng khoán	1.897.610	14.836.904
Lỗ từ bán chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư dài hạn	-	627.224.301
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(2.094.810.320)	3.722.655.705
Phí tư vấn đầu tư Chứng khoán kinh doanh	-	(555.546.415)
<b>Cộng</b>	<b>(1.950.855.448)</b>	<b>4.020.455.508</b>

### 25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền lương và các khoản trích theo lương	3.606.303.931	3.558.273.073
Chi phí khấu hao	223.250.808	223.250.808
Chi phí vận chuyển sách và bốc vác	820.322.887	902.554.408
Chi phí thuê kho	386.909.093	414.545.456
Tuyên truyền, quảng cáo	716.263.355	349.267.825
<b>Cộng</b>	<b>5.753.050.074</b>	<b>5.447.891.570</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền lương, tiền ăn ca và các khoản trích theo lương	3.127.864.242	3.085.850.315
Khấu hao TSCĐ	237.958.551	214.588.971
Sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ	235.373.979	132.831.086
Giao dịch, hội nghị	1.601.172.435	1.700.372.387
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	119.810.443	(58.445.398)
Chi phí khác	2.877.624.243	2.722.406.214
<b>Cộng</b>	<b>8.199.803.893</b>	<b>7.797.603.575</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.022.423.767	3.604.193.228
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	68.392.163	76.381.665
- Điều chỉnh tăng	143.892.163	158.782.065
+Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	120.000.000	116.000.000
+Chi phí không được trừ khác	23.892.163	42.782.065
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	75.500.000	82.400.400
Tổng thu nhập chịu thuế	4.090.815.930	3.680.574.893
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>833.812.926</b>	<b>736.114.979</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	818.163.186	736.114.979
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	15.649.740	-

**27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.188.610.841	2.868.078.249
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(637.722.168)	(573.615.649)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ ban điều hành) (*)	637.722.168	573.615.649
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.550.888.673	2.294.462.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.925.658	1.925.658
<b>Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.325</b>	<b>1.193</b>

(\*) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, ban điều hành năm 2023 là 20% lợi nhuận sau thuế.

**Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm**

	Năm 2023	Năm 2022
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.498.680	1.498.680
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức	426.978	426.978
<b>năm</b>	<b>1.925.658</b>	<b>1.925.658</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm 2022 bởi ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu “Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm” do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đã được ghi nhận tăng vốn trong năm.

### 28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.595.546.563	12.736.730.361
Chi phí nhân công	6.734.168.173	6.644.123.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	461.209.359	437.839.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.101.099.847	20.566.912.166
Chi phí khác bằng tiền	5.195.060.033	4.772.046.426
<b>Cộng</b>	<b>37.087.083.975</b>	<b>45.157.652.120</b>

### 29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm giáo dục và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 30. Quản lý rủi ro

#### Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá; rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do hầu như không có giao dịch vay, giao dịch và số dư ngoại tệ nên hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Ngoài ra Công ty còn có cửa hàng bán lẻ thu tiền ngay. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.485.326.565	-	2.485.326.565
Phải trả khác	3.229.507.981	9.000.000	3.238.507.981
<b>Cộng</b>	<b>5.714.834.546</b>	<b>9.000.000</b>	<b>5.723.834.546</b>
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	5.549.501.637	-	5.549.501.637
Phải trả khác	517.786.742	9.000.000	526.786.742
<b>Cộng</b>	<b>6.067.288.379</b>	<b>9.000.000</b>	<b>6.076.288.379</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.592.078.119	-	4.592.078.119
Đầu tư tài chính	6.066.218.720	593.390.084	6.659.608.804
Phải thu khách hàng	6.089.942.234	-	6.089.942.234
Phải thu khác	418.111.505	28.050.000	446.161.505
<b>Cộng</b>	<b>17.166.350.578</b>	<b>621.440.084</b>	<b>17.787.790.662</b>
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.471.841.616	-	5.471.841.616
Đầu tư tài chính	3.971.408.400	593.390.084	4.564.798.484
Phải thu khách hàng	7.134.595.064	-	7.134.595.064
Phải thu khác	7.659.991	-	7.659.991
<b>Cộng</b>	<b>16.585.505.071</b>	<b>593.390.084</b>	<b>17.178.895.155</b>

### 31. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP.Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của NXBGD Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư là NXBGD Việt Nam
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư là NXBGD Việt Nam
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Chung thành viên HĐQT

#### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
<b>Mua hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Phí QLXB, thuê kho	2.269.113.053	1.769.644.566
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Mua sách tham khảo	10.292.473.950	11.285.653.910
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua Sách giáo khoa	514.086.248	561.036.500
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Mua sách tham khảo	52.233.850	83.359.780
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
<b>Bán hàng</b>			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Cung ứng sách	12.702.602.155	13.394.843.690
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	2.151.174.736	6.365.185.492
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	5.103.600	27.112.370
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Cung ứng sách	579.926.190	320.716.600

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và lương Ban Giám đốc

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Giám đốc như sau:

Chức danh	Năm 2023	Năm 2022	
<b>Thù lao hội đồng quản trị</b>			
Ông Ông Thừa Phú	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 01/10/2023)	24.500.000	-
Ông Tô Thanh Bình	Ủy Viên HĐQT (từ ngày 01/10/2023)	43.500.000	48.000.000
Ông Lý Xuân Hoàn	Ủy viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Ông Phan Văn Hải	Ủy viên HĐQT	36.000.000	21.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên HĐQT	12.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Duy Nhâm	Ủy viên HĐQT	10.000.000	30.000.000
Ông Lê Diêm Hùng	Ủy viên HĐQT	20.000.000	-
Ông Nguyễn Vũ Thanh Bình	Thư ký HĐQT	22.500.000	18.000.000
<b>Thù lao Ban kiểm soát</b>			
Ông Đặng Công Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Bà Đặng Thị Trang	Ủy viên BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Phan Thị Hàn Phong	Ủy viên BKS	4.000.000	12.000.000
Ông Trần Đàm Nhiệm	Ủy viên BKS	8.000.000	
<b>Tiền lương đã chi Ban giám đốc</b>			
Ông Lý Xuân Hoàn	Giám đốc	609.115.400	775.303.200
Ông Phan Văn Hải	Phó Giám đốc	469.373.200	586.564.800
Ông Hồ Văn Lĩnh	Phó Giám đốc	475.795.000	510.553.200

### 32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Trần Trọng Hiếu